

Kbang, ngày 21 tháng 12 năm 2022

Số: 19/2022/QĐST-DS

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào các Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 3 Điều 147; Điều 157; Điều 158; Điều 165; Điều 166; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 12 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 38/2022/TLST- DS ngày 21 tháng 6 năm 2022.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Cao Hùng T, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Bích T, sinh năm 1978; Cùng địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T là anh Cao Hùng T.

- *Bị đơn:* Ông Cao Hùng K, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Phan Thị C, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn 1, xã N, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Theo yêu cầu khởi kiện đòi lại quyền sử dụng đất của nguyên đơn ông Cao Hùng T và bà Lê Thị Bích T thì bị đơn ông Cao Hùng K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C đồng ý, tự nguyện thoả thuận như sau:

- Bị đơn ông Cao Hùng K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C tự nguyện giao cho nguyên đơn ông Cao Hùng T và bà Lê Thị Bích T diện tích 6.761 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại thôn 1, xã N, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai, thuộc một phần thửa đất số 133, tờ bản đồ số 06, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BI 710188 do

Ủy ban nhân dân huyện Kbang cấp ngày 06/6/2012 cho người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất ông Cao Hùng K, có vị trí tứ cận được xác định cụ thể trong sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp giữa ông Cao Hùng T và ông Cao Hùng K kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Kbang như sau:

- + Phía Đông giáp với đất của ông K-bà C Cều dài là 102,14m;
- + Phía Đông Nam giáp với đường bê tông có tổng Cều dài là 60,28 m (gồm tổng các cạnh 54,45m + 5,83m);
- + Phía Tây giáp đất ông Hoà có tổng Cều dài là 152,58m (gồm tổng các cạnh 19,83m+ 23,46m+31,26m+ 23,57m+ 28,40m+ 26,06m);
- + Phía Bắc giáp với đất ông Báu có tổng Cều dài là 42,61m (gồm tổng các cạnh 19,03m+ 23,58m).

Tài sản trên diện tích 6.761 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm là: Diện tích đất là 6.761 m² cây mía lưu gốc 03 năm. Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn đồng ý cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tiếp tục sử dụng diện tích 6.761 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm tại thôn 1, xã N, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai đến hết tháng 02/2023 (Dương lịch).

- Đồng thời, nguyên đơn ông Cao Hùng T và bà Lê Thị Bích T tự nguyện giao cho bị đơn ông Cao Hùng K và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phan Thị C diện tích 6.953 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, thuộc một phần thửa đất số 47, tờ bản đồ số 09, đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số 00175 QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện Kbang cấp ngày 08/9/1999 cho hộ ông Cao Hùng T, có vị trí tứ cận được xác định cụ thể trong sơ đồ hiện trạng thửa đất tranh chấp giữa ông Cao Hùng T và ông Cao Hùng K kèm theo Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 15/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Kbang như sau:

- + Phía Đông giáp đất gia đình ông K-bà C có tổng Cều dài là 68,01m (gồm tổng các cạnh 27,37m + 40,64m);
- + Phía Tây giáp đường bê tông có Cều dài là 72,87m (gồm tổng các cạnh 26,34m + 24,25m+ 22,28m);
- + Phía Nam giáp thửa đất số 59 có tổng Cều dài là 85,07m (gồm tổng các cạnh 21,55m+ 25,80m +37,72m);
- + Phía Bắc giáp một phần thửa đất số 47 có tổng Cều dài là 120,2m (gồm tổng các cạnh 112,54m+ 7,66m).

Tài sản trên đất là:

+ Công trình kiến trúc trên đất là: Nhà ở cấp IV, xây năm 2015 diện tích: 7x18= 126m², móng xây đá, tường xây gạch trát vữa sơn nước, không có se nô phía trước, nền lát gạch Granite 500x500mm có diện tích: 7x14=98m² còn lại là nền xi măng, mái tôn, trần tôn, nền lát gạch Granite 500x500mm có diện tích: 7x14=98m², nền xi măng 28m²; Nhà vệ sinh và nhà tắm, tường xây gạch, nền láng vữa xi măng, mái lợp tôn diện tích: 3x2= 6m²; Nhà kho diện tích: 7x4=28m², tường xây gạch không tô trát, nền vữa xi măng, mái lợp tôn; Mái hiên, khung thép hình mái lợp tôn diện tích: 7x3= 21m² nền

láng vữa xi măng; Sân vữa xi măng dày 3cm diện tích: $8 \times 4 = 32$ m²; Hàng rào lưới B40 cao 1,6m, dài 14m có 08 trụ bê tông; cổng vào bằng khung sắt lưới B40.

+ Cây trồng trên diện tích 6.953 m² đất nông nghiệp trồng cây hàng năm là: Diện tích 2.879,7 m² cây mía lưu gốc năm 3.

Ghi nhận sự nguyện của nguyên đơn là nguyên đơn tự nguyện giao đất kèm theo các tài sản trên diện tích đất này cho bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Các bên đương sự có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng về quản lý đất đai để chỉnh lý quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Trường hợp các bên đương sự không tự nguyện liên hệ với cơ quan chức năng về quản lý đất đai để chỉnh lý quyền sử dụng đất thì bên còn lại có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án theo quy định.

2.2. Về C phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Tổng cộng là 5.000.000 đồng. Nguyên đơn ông Cao Hùng T và bà Lê Thị Bích T tự nguyện chịu toàn bộ C phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Nguyên đơn đã nộp đủ C phí này.

2.3. Về án phí DSST: Là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), các đương sự tự nguyện thỏa thuận nguyên đơn ông Cao Hùng T và bà Lê Thị Bích T chịu toàn bộ, nhưng được vào sổ tiền tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp là 5.631.930 đồng (năm triệu sáu trăm ba mươi một nghìn chín trăm ba mươi đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số: 0003534 ngày 20/6/2022 và số 0003693 ngày 07/12/2022 của C cục Thi hành án dân sự huyện Kbang, tỉnh Gia Lai. Hoàn trả cho ông Cao Hùng T và bà Lê Thị Bích T số tiền là 5.331.930 đồng (năm triệu ba trăm ba mươi một nghìn chín trăm ba mươi đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (Luật THADS) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Kbang;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- C cục THADS huyện Kbang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Ngọc

